TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 953/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 09-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị C, cư trú tại: Thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-7-2011 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh P. Trong thời gian chung sống, anh Đ

nảy sinh bài bạc, trai gái, không lo cho vợ con mà bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã ly thân từ 03 năm nay; tình cảm, trách nhiệm vợ chồng đến nay không còn. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Văn D (sinh ngày 28-3-2011), sức khỏe bình thường, đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai. Chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Văn D: Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao con chung cho chị C nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, buộc chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Phan Thị C và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh P vào ngày 18-7-2011, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị C, anh Đ theo như chị C trình bày đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm, trách nhiệm không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần thông báo, triệu tập anh Đ đến để làm việc và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa, chứng tỏ anh Đ không có

thiện chí và mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân vốn đã rạn nứt. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung, cháu Nguyễn Văn D đã sống với chị C từ lâu nay, tình cảm mẹ con đã gắn bó. Nguyện vọng của cháu D muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Chị C có công việc, chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị C và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Phan Thị C và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Văn D (sinh ngày 28-3-2011), hiện tại đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu D cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị C phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001568 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã X, thị xã S, T. P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh